

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 56/2022/HS-ST.

Ngày: 03/3/2022.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thanh Phương.

2. Ông Bùi Minh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Đình Tứ – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 02 năm 2022 và ngày 03/3/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2022/HSST ngày 18 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-HS ngày 11 /02/2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H, sinh ngày 10 tháng 8 năm 1990, tại tỉnh Hưng Yên.

HKTT: Thôn A, xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 04/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: không xác định, mẹ: Nguyễn Thị C, sinh năm 1955; Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 03 chị em; Bị cáo có chồng đã ly hôn tên Nguyễn V1 T, sinh năm 1989 và có 04 con (lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh tháng 10 năm 2020); Anh T đang nuôi dưỡng 01 con sinh năm 2012, còn bị cáo đang nuôi dưỡng 3 con còn lại.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 14/8/2021, đến ngày 20/8/2021 được mẹ ruột bảo lãnh cho tại ngoại. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 185/L-CSĐT (TH) ngày 20/8/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nhơn Trạch.

- Bị hại:

+ Anh Phan Ngọc L, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp V, xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

+ Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp 2, xã L1, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Nguyễn Thị Bích T1, sinh năm 1980, cư trú tại ấp Bàu Bông, xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

(Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị H là người không có việc làm ổn định. Lợi dụng H cùng quê tỉnh Hưng Yên với ông Vũ Hồng V1 – Giám đốc Công an tỉnh Đồng Nai nên H nảy sinh ý định nói dối H là cháu ruột của ông V1 để nhận lo giải quyết tranh chấp đất, xin việc làm cho nhiều người nhằm mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản để có tiền tiêu xài, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào tháng 4/2020, thông qua mạng xã hội Facebook, H quen biết chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1987, ngụ tại: ấp 2, xã L1, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Qua nói chuyện, H biết chị N đang tranh chấp đất đai ở xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai nên H nói với chị N là H là cháu ruột của ông V1 và H có thể giúp cho chị N thắng kiện với điều kiện là chị N phải đưa tiền cho H lo việc. Để tạo niềm tin cho chị N, H sử dụng sim số điện thoại 0886.093.258 để lập tài khoản Zalo tên là “Vũ Hồng V1” và lấy hình ông V1 mặc quân phục đeo hàm đại tá để làm hình nền và số điện thoại 0865.835.601 để lập một tài khoản Zalo khác tên là “Bướng Từ Bé”. Tiếp theo, H dùng hai tài khoản Zalo này để nhắn tin qua lại với nhau với nội dung H nhờ ông V1 lo thủ tục giấy tờ tranh chấp đất và được ông V1 đồng ý giúp. Sau đó, H chụp nội dung tin nhắn trên để gửi qua cho chị N để chị N tin tưởng là thật. Ngoài ra, H còn sử dụng tài khoản Zalo tên là “Vũ Hồng V1” để nhắn tin đến tài khoản Zalo N Nguyễn để hứa hẹn giúp chị N giải quyết thủ tục tranh chấp đất. Vì tin tưởng H là cháu của ông V1 là thật nên chị N đã 03 lần đưa tiền cho H. Lần thứ nhất chị N đưa cho H 30.000.000 (Ba mươi triệu đồng) tại phòng trọ của H ở thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, lần thứ hai chị N đưa cho H 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng) trên xe ô tô của chị N và lần thứ ba chị N nói chị Nguyễn Thị Bích T1 (chị ruột của chị N) đưa cho H 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng) tại nhà của chị T1 ở ấp Bàu Bông, xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Tổng số tiền H chiếm đoạt của chị N là 70.000.000 (Bảy mươi triệu đồng). Sau khi nhận tiền

xong, H hứa tháng 05/2021 sẽ giải quyết xong việc tranh chấp đất đai cho chị N nhưng H không thực hiện mà sử dụng số tiền trên để tiêu xài và trả nợ hết.

Vụ thứ hai: Cũng với thủ đoạn như trên, vào khoảng tháng 5/2020 đến tháng 8/2020, H xin vào làm giúp việc nhà cho bà Nguyễn Thị G sinh năm 1968, ngụ tại: ấp V, xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Trong thời gian này, H biết được anh Phan Long H, sinh năm 1996 (con ruột bà G) từng đi lính nghĩa vụ Công an, hiện tại đã ra quân nhưng có nguyện vọng muốn xin lại vào ngành Công an nên H nói với bà G và anh H là H là cháu ruột của ông V1 có thể xin cho H vào làm trong Công an tỉnh Đồng Nai và sử dụng hai tài khoản Zalo “Vũ Hồng V1” và “Bướng Từ Bé” trên để nhắn tin qua lại với nhau với nội dung H nhờ đồng chí V1 giúp xin cho H vào làm trong Công an tỉnh Đồng Nai và được ông V1 đồng ý giúp. Sau đó, H chụp nội dung tin nhắn trên để gửi qua cho bà G, anh H và chị P để những người này tin tưởng là thật. Ngoài ra, H còn sử dụng tài khoản Zalo tên là “Vũ Hồng V1” để nhắn tin đến tài khoản Zalo của bà Nguyễn Thị G, tài khoản Zalo của chị Phan Thị Kim P và tài khoản Zalo của anh Phan Long H để hứa hẹn giúp anh H xin vào làm trong Công an tỉnh Đồng Nai và yêu cầu những người này chuyển tiền cho H. Tin lời của H là thật nên bà G, anh H và chị Phan Thị Kim P (chị ruột của H) đã 09 lần đưa tiền cho H, cụ thể như sau: Lần thứ nhất, vào khoảng giữa tháng 6/2020, anh H chuyển vào tài khoản 1903.462.202.3019 ngân hàng Techcombank của Nguyễn Thị H số tiền 20.000.000 đồng; lần thứ hai, anh H đưa cho H 20.000.000 đồng tại nhà bà G; lần thứ ba, vào cuối tháng 6/2020, bà G chuyển vào tài khoản 1021.000.003.745 ngân hàng Vietcombank của Nguyễn Thị H số tiền 75.000.000 đồng; lần thứ 4, vào đầu tháng 7/2020, bà G đưa 97.000.000 đồng cho H tại nhà bà G; lần thứ 5, vào ngày 05/7/2020, bà G đưa 97.000.000 đồng cho H tại nhà bà G; lần thứ 6, H đưa cho H 100.000.000 đồng tại ngã tư cây xăng Tín Nghĩa, đường Tôn Đức Thắng, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; lần thứ 7, vào ngày 25/02/2021, anh H chuyển vào tài khoản 1021.000.003.745 ngân hàng Vietcombank của Nguyễn Thị H số tiền 10.000.000 đồng; lần thứ 8, vào ngày 29/4/2021, anh H tiếp tục chuyển vào tài khoản 1021.000.003.745 ngân hàng Vietcombank của Nguyễn Thị H số tiền 2.000.000 đồng; lần thứ 9, vào ngày 07/6/2021, anh H tiếp tục chuyển vào tài khoản 1021.000.003.745 ngân hàng Vietcombank của Nguyễn Thị H số tiền 3.400.000 đồng; cùng ngày chị Phan Thị Kim P chuyển vào tài khoản 1021.000.003.745 ngân hàng Vietcombank của Nguyễn Thị H số tiền 1.000.000 đồng. Tổng số tiền bà Nguyễn Thị G, anh Phan Long H và chị Phan Thị Kim P đưa cho H là 368.400.000 (Ba trăm sáu mươi tám triệu, bốn trăm nghìn đồng). Sau khi nhận tiền xong, H

không thực hiện mà dùng số tiền trên tiêu xài và trả nợ hết, còn anh H sau đó biết việc mình bị lừa nên đã làm đơn trình báo Cơ quan CSĐT Công an huyện Nhơn Trạch xử lý theo thẩm quyền.

* Vật chứng vụ án: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO loại cảm ứng, màu đen, đã qua sử dụng.

Trước Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nhơn Trạch bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tình tiết, vật chứng, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 26/CT.VKS-NT ngày 14/01/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch đã truy tố bị cáo: Nguyễn Thị H về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng vì nhận thấy: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, đã thực hiện hoàn thành hành vi phạm tội. Tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo là gây hậu quả rất nghiêm trọng cho xã hội. Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuy nhiên trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo không có tiền án, tiền sự và đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H mức án từ 12 năm tù đến 14 năm tù về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Tòa tuyên: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO loại cảm ứng, màu đen của Nguyễn Thị H là phương tiện đã dùng vào việc phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 11 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Đề nghị Tòa tuyên buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 70.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Bích N; bồi thường số tiền 368.400.000 (Ba trăm sáu mươi tám triệu, bốn trăm nghìn đồng) cho gia đình bà Nguyễn Thị G.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản Cáo trạng; bị cáo không tranh luận, bào chữa về hành vi của mình; bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về chăm sóc con nhỏ và tạo cơ hội sửa chữa, tái hòa nhập cộng đồng, trở thành công dân lương thiện.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp các tình tiết, vật chứng, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập trong hồ sơ vụ án, cụ thể như sau:

Vào khoảng tháng 4/2020, tại ấp B, xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, Nguyễn Thị H đã có hành vi gian dối để chiếm đoạt tiền của chị Nguyễn Thị Bích N nhiều lần với tổng số tiền chiếm đoạt là 70.000.000 (Bảy mươi triệu đồng).

Sau đó, tiếp tục cũng bằng thủ đoạn tương tự từ tháng 5/2020 đến ngày 07/6/2021, Nguyễn Thị H đã nhiều lần chiếm đoạt tiền của gia đình bà Nguyễn Thị G ngụ ấp V, xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch với tổng số tiền là 368.400.000 (Ba trăm sáu mươi tám triệu, bốn trăm nghìn đồng). Tổng số tiền H chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Bích N và gia đình bà Nguyễn Thị G là 438.400.000 đồng. (Bốn trăm ba mươi tám triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Bản thân bị cáo nhận thức được việc dùng thủ đoạn mạo danh người nhà của Giám đốc Công an tỉnh Đồng Nai, để cho các bị hại tin tưởng nhờ vả, giao tiền, “chạy việc” nhằm chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhiều lần với tổng số tiền chiếm đoạt là 438.400.000 đồng và tội phạm đã hoàn thành. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Thị H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Xét hành vi của bị cáo: Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo vì có tư tưởng hưởng thụ, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu xài cá nhân và trả nợ nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp sự trừng trị của pháp luật.

Xét tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét về khả năng kinh tế của bị cáo và mức độ thiệt hại thấy rằng, bị cáo xuất thân từ gia đình nghèo khó, hiện bị cáo có gia cảnh kinh tế khó khăn, là lao động chính nuôi 03 con còn nhỏ, nên việc bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả một phần thiệt hại (chưa được ½) cho các bị hại cũng được xem xét chấp nhận cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Sau khi xem xét toàn diện, khách quan những tình tiết có trong hồ sơ và tình tiết thực tế gia cảnh, nhân thân của bị cáo và theo các quy định pháp luật, Hội đồng xét xử có xem xét bị cáo phạm tội khi đang mang thai và trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử bị cáo H đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả một phần thiệt hại cho các bị hại trong vụ án; các bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân tốt, không tiền án, tiền sự; bị cáo có trình độ học vấn thấp (04/12) phần nào hạn chế trong nhận thức, ý thức pháp luật; bị cáo xuất thân từ gia đình nghèo khó, cha không ở cùng mẹ khi bị cáo còn nhỏ nên hồ sơ không có xác định cha của bị cáo, bản thân bị cáo có gia cảnh kinh tế khó khăn, là lao động chính nuôi các con và hiện bị cáo đang nuôi 03 con còn nhỏ, trong đó có con dưới 36 tháng tuổi. Tất cả các tình tiết trên, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các điểm b, n, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì các lẽ đó, Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nêu trên, theo quy định tại Điều 54 Bộ luật hình sự có thể áp dụng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, nhưng xét bị cáo có tình tiết tăng nặng nên không áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo hiện có gia cảnh kinh tế khó khăn, lại là lao động chính nuôi 3 con còn nhỏ, trong đó có con 03 tuổi 07 tháng và con 01 tuổi 05 tháng nên cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, bên cạnh các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên của bị cáo và phù hợp với thực tế gia cảnh của bị cáo nhằm tạo cơ hội cho bị cáo sớm trở về với gia đình, làm ăn lương thiện nuôi sống gia đình, giảm gánh nặng cho xã hội, thể hiện chính sách khoan hồng pháp luật của Nhà nước mà vẫn đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung của chính sách pháp luật hình sự.

Hội đồng xét xử đã cân nhắc lượng hình phù hợp và xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đủ để bị cáo nhận thức, cải tạo, giáo dục trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội.

[3] Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng vụ án và trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO loại cảm ứng, màu đen của Nguyễn Thị H là phương tiện đã dùng vào việc phạm tội.

(Các vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch đang tạm giữ theo biên bản giao nhận ngày 18/01/2022).

Về trách nhiệm dân sự:

+ Ghi nhận: Bị cáo H bồi thường khắc phục hậu quả đối với bị hại N số tiền 20.000.000 đồng và đối với gia đình bà Nguyễn Thị G số tiền 80.000.000 đồng (theo biên lai thu tiền số 0001677 ngày 03/3/2022, biên lai thu tiền số 0001678 ngày 03/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch).

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 11, 30 Bộ luật tố tụng hình sự; các điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm bồi thường số tiền còn lại là 50.000.000 đồng cho bị hại Nguyễn Thị Bích N; bồi thường số tiền còn lại là 298.400.000 đồng cho bị hại - gia đình bà Nguyễn Thị G.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nhơn Trạch, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng hợp pháp, đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, n, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

* Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H **08 (tám) năm tù**.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án nhưng được trừ đi thời gian bị bắt tạm giữ từ ngày 14/8/2021 đến ngày 20/8/2021.

Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO loại cảm ứng, màu đen của Nguyễn Thị H là phương tiện đã dùng vào việc phạm tội.

(Các vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch đang tạm giữ theo biên bản giao nhận ngày 18/01/2022).

Về trách nhiệm dân sự:

+ Ghi nhận: Bị cáo H bồi thường khắc phục hậu quả đối với bị hại N số tiền 20.000.000 đồng và đối với gia đình bà Nguyễn Thị G số tiền 80.000.000 đồng (theo biên lai thu tiền số 0001677 ngày 03/3/2022, biên lai thu tiền số 0001678 ngày 03/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch).

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 11, 30 Bộ luật tố tụng hình sự; các điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm bồi thường số tiền còn lại là 50.000.000 đồng cho bị hại Nguyễn Thị Bích N; bồi thường số tiền còn lại là 298.400.000 đồng cho bị hại - gia đình bà Nguyễn Thị G.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Nhơn Trạch;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Công an H. Nhơn Trạch;
- Chi cục THADS H. Nhơn Trạch;
- Bị cáo; bị hại, NLQ;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Thị Hương